

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1334/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt II, năm 2018.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 4130/BKHCN-KHTC ngày 07/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2018 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2018;

Căn cứ các Quyết định: 120/QĐ-UBND ngày 15/01/2015; 1319/QĐ-UBND ngày 15/4/2016; 2276/QĐ-UBND ngày 20/6/2016; 3631/QĐ-UBND ngày 20/9/2016; 3999/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 1622/QĐ-UBND ngày 17/5/2017; 3538/QĐ-UBND ngày 19/9/2017; 4107/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 249/TTr-SKHCN ngày 05/4/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ xin phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt II, năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt II, năm 2018, gồm: 20 nhiệm vụ

Trong đó:

- Cấp cho 6 nhiệm vụ đã nghiệm thu: 1.151,962 triệu đồng
- Cấp cho 3 nhiệm vụ chuyên tiếp: 1.360 triệu đồng
- Cấp cho 11 nhiệm vụ mới: 7.280,65 triệu đồng

Với kinh phí sự nghiệp khoa học là: 9.792.612.000 đồng

(Chín tỷ, bảy trăm chín hai triệu, sáu trăm mười hai ngàn đồng).

(Danh mục kèm theo).

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp khoa học năm 2018 chưa phân bổ.

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này và danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được duyệt:

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các đề tài, dự án, ký kết các hợp đồng nghiên cứu; có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và thành lập hội đồng nghiệm thu, báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Cấp kinh phí trực tiếp cho các cơ quan chủ trì, chủ đề tài, dự án để triển khai thực hiện.

- Theo dõi việc sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán kinh phí đã cấp cho các đơn vị.

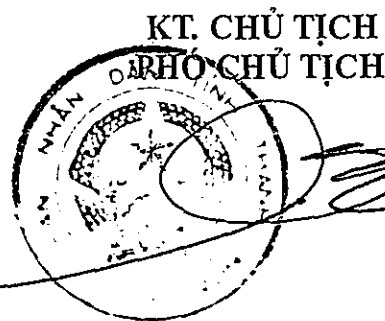
3. Các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm các đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung đề tài, dự án được duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định, hiệu quả cao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc tỉnh, Chủ nhiệm các đề tài, dự án và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PGN.



Nguyễn Đức Quyền

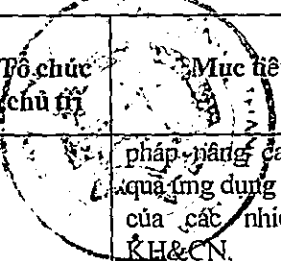
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP KINH PHÍ ĐỢT II, NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 1334/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)


I. Nhiệm vụ đã nghiệm thu: 06

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
							Theo quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018	
1.	Dự án: Sản xuất bom thủy năng HDBT cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho các vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	- Sản xuất thử nghiệm 02 loại bom HDBT (HDBT1; HDBT2); - Xây dựng được 2 mô hình sử dụng bom HDBT: 01 mô hình cấp nước sinh hoạt và 02 mô hình cấp nước cho sản xuất (01 phục vụ cho trồng hoa màu và 01 phục vụ cho trồng lúa) tại khu vực miền núi Thanh Hóa	-Điều tra khảo sát tiềm năng nguồn nước các khu vực miền núi của tỉnh; -Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế hai loại bom HDBT (HDBT1; HDBT2) phù hợp với nguồn nước khu vực miền núi Thanh Hóa; -Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất hai loại bom HDBT (HDBT1; HDBT2) -Tổ chức sản xuất thử 4 bom HDBT1 và 4 Bom HDBT2; khảo nghiệm các thông số kỹ thuật của bom; -Khảo sát lựa chọn địa điểm và các điều kiện để tổ chức thí công, lắp đặt thử nghiệm 02 trạm bom (02 bom HDBT1, 02 bom HDBT2), theo dõi, kiểm tra, đánh giá; -Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và công bố chất lượng sản phẩm; -Xây dựng phương án sản xuất công nghiệp các loại bom HDBT; -Báo cáo tổng kết; nghiệm thu dự án	-8 bom HDBT, gồm: 4 loại bom HDBT 1; 4 loại bom HDBT2 -Quy trình công nghệ sản xuất bom; Hồ sơ thiết kế, quy trình lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng 02 loại bom HDBT. -Hồ sơ khảo nghiệm về công nghệ, đặc tính, tính thích nghi, tính bền vững, hiệu quả sử dụng của bom HDBT đối với địa hình khác nhau của khu vực miền núi Thanh Hóa. -Hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, hoàn công của 3 mô hình lắp đặt bom (mỗi mô hình 02 bom HDBT). -Báo cáo phương án sản xuất công nghiệp bom HDBT sau khi dự án sản xuất thử nghiệm thành công. -Báo cáo tổng kết dự án.	12/2015 - 6/2017	1.120,49	637,94	497,94	140	- Không thu hồi kinh phí - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 22/11/2017 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì
2.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp thu hút nguồn	Trường Đại Học Hồng Đức	- Đánh giá được thực trạng huy động vốn đầu tư ngoài ngân	-Đánh giá thực trạng huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách có liên quan	- Các báo cáo chuyên môn: + Tình hình huy động vốn đầu tư, chính sách và thực	6/2016 - 12/2017	632,53	632,53	505,53	127	- Không thu hồi kinh phí - Biên bản

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
							Theo quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018	
	vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025	Đức	sách có liên quan đến đầu tư, phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2015 - Đánh giá được tiềm năng thể mạnh phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa - Đề xuất được giải pháp thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025	đến đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2015; Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2025. -Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của các nhà đầu tư khi bỏ vốn vào đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. -Nghiên cứu tiềm năng thể mạnh phát triển du lịch. -Tìm hiểu kinh nghiệm về huy động vốn đầu tư phát triển ngành du lịch của một số địa phương. -Đề xuất giải pháp thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2025 Xây dựng phương án sử dụng kết quả	hiện chính sách thu hút đầu tư ngoài ngân sách liên quan đến phát triển du lịch tỉnh giai đoạn 2010-2015 + Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2025 + Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của các nhà đầu tư khi bỏ vốn vào đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh + Tiềm năng thể mạnh phát triển du lịch của tỉnh + Giải pháp chính sách thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025 - Báo cáo “Bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước về thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch” - Bản dự thảo chính sách thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025 - Báo cáo phương án sử dụng kết quả - Báo cáo tổng kết đề tài						quyết toán kinh phí ngày 12/3/2018 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì
3.	Đề tài: Nghiên cứu các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử -	Trường Đại học văn hóa, thể thao và Du	- Xác định được giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ. - Đánh giá được thực trạng về bảo tồn, phát	-Xác định giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa. -Đánh giá thực trạng hệ thống đền thờ ở Thanh	- Các báo cáo chuyên môn + Giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa. + Thực trạng bảo tồn, phát	5/2016 - 10/2017	579,619	536,119	206,119	330	- Không thu hồi kinh phí - Biên bản quyết toán kinh phí ngày

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
							Theo quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018	
	văn hóa của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay	lich	phục hồi giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ. - Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa.	Hóa - Bài học kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của một số đền thờ ở Việt Nam. - Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa. - Hội thảo khoa học. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. Viết báo cáo khoa học tổng hợp đề tài.	phục hồi giá trị của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa. + Bài học kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của một số đền thờ ở Việt Nam. + Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa hệ thống đền thờ ở tỉnh - Kỳ yếu Hội thảo. - Báo cáo tổng kết đề tài. - Báo cáo phương án sử dụng kết nghiên cứu. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đăng trên tạp chí trong nước. - Đĩa DVD.					07/02/2018 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì	
4.	Đề tài: Nghiên cứu tác dụng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần trong điều trị mất ngủ không thực tồn	Bệnh viện Y được Cổ truyền Thanh Hóa	Đánh giá được tác dụng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần trên bệnh nhân mất ngủ không thực tồn.	- Nghiên cứu tác dụng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần trên bệnh nhân mất ngủ không thực tồn. - Hội thảo khoa học: Điều trị mất ngủ không thực tồn bằng thuốc y học cổ truyền tại thanh hoá. Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu	- Báo cáo chuyên đề: Tác dụng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần trên bệnh nhân mất ngủ không thực tồn. - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Kỳ yếu Hội thảo. - Báo cáo phương án sử dụng kết nghiên cứu. - Bài báo trên tạp chí y học Thanh Hóa	11/2015 - 7/2017	632,787	526,362	418,12	108,242	- Không thu hồi kinh phí - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 6/02/2018 (kinh phí SNKH giảm 1,758 tr.đ)
5.	Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ Khoa học và	Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa	- Đánh giá được hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2006 – 2015 tại Thanh Hóa; - Đề xuất được giải	- Nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN - Tập hợp, phân loại các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã được nghiệm thu giai đoạn 2006 - 2015	- Phần mềm Quản lý Cơ sở dữ liệu về ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KHCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa - Bảng tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo các chuyên đề	2/2015 - 7/2016	706,72	706,72	350	356,72	- Không thu hồi kinh phí - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 04/4/2018 giữa Sở Tài chính và Tổ

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
							Theo quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018	
	Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa		pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2006 - 2015 - Xây dựng cơ sở dữ liệu về ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2006 - 2015 - Nghiên cứu các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh - Khảo sát về việc thực hiện giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN của một số tỉnh. - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu - Nghiệm thu đề tài. 	(16 chuyên đề) - Tập bài tham luận hội thảo - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài - Bài báo: Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ						chức chủ trì
6.	Đề tài: Nghiên cứu tin ngưỡng thờ các vị thần biển, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển bền vững du lịch	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Thanh Hóa	- Xác định được tín ngưỡng thờ các vị thần biển có ảnh hưởng lớn tới đời sống của người dân biển Thanh Hóa. - Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng thờ các vị	-Nghiên cứu những vấn đề lý luận về biển, tín ngưỡng thờ các vị thần biển, du lịch biển, bảo vệ biển đảo, môi trường sinh thái biển. -Nghiên cứu thực trạng về tín ngưỡng và hệ thống các di tích, lễ hội thờ các vị thần biển gắn với đời sống ngư dân, hoạt động du lịch, bảo	- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài - Báo cáo tóm tắt thực hiện đề tài - Báo cáo số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo kiến nghị về thực hiện các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch,	6/2016 - 11/2017	441,6225	437,1225	347,123	90	-Không thu hồi kinh phí - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 01/2/2018 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)				Ghi chú
							Theo quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018	
	biên tỉnh Thanh Hóa		thần biển nhằm phát triển bền vững du lịch biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo, môi trường sinh thái biển Thanh Hóa.	<p> vệ môi trường sinh thái và bảo vệ chủ quyền biển đảo.</p> <p>-Nghiên cứu thực trạng về tín ngưỡng và hệ thống các di tích, lễ hội thờ các vị thần biển gắn với đời sống ngư dân, hoạt động du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ chủ quyền biển đảo.</p> <p>-Biên soạn và xuất bản sách chuyên đề: Tín ngưỡng thờ các vị thần biển Thanh Hóa. (200 cuốn dày khoảng 250 trang in khổ 14,5 x 20,5)</p> <p>-Báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa.</p> <p>-Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu.</p>	<p> bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa</p> <p>- Kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu</p> <p>- 200 cuốn sách chuyên khảo</p> <p>- 01 bài báo công bố kết quả đề tài</p>						
Cộng										1.151,962	0

II. Nhiệm vụ chuyên tiếp: 03

T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018
1.	Đề tài: Đánh giá nguồn tài nguyên thực vật có tinh dầu và đề xuất giải pháp phát	Trường Đại học Hồng Đức	<i>Mục tiêu chung:</i> Đánh giá nguồn thực vật có tinh dầu có giá trị kinh tế cao tại Vườn Quốc gia (VQG) Bến En	<p>- Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Thanh Hóa.</p> <p>- Điều tra hiện trạng phân bố các loài thực</p>	<p>- Báo cáo đánh giá hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Thanh Hóa.</p> <p>- Báo cáo hiện trạng phân bố các loài</p>	<p>- Báo cáo đánh giá hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Thanh Hóa.</p> <p>- Báo cáo hiện trạng phân bố các loài</p>	<p>- Báo cáo hàm lượng tinh dầu và thành phần hóa học của tinh dầu của một số loài có giá trị kinh tế cao.</p> <p>- Giải pháp bảo</p>	10/2016 - 4/2018	880,943	880,943	290,943	410

T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018
	triển bền vững, có hiệu quả tại vùng đệm VQG Bến En		<p>Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững tại vùng đệm VQG Bến En.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thành phần, hàm lượng tinh dầu của các loài thực vật có tinh dầu tại VQG Bến En - Đánh giá nguồn thực vật có tinh dầu có giá trị kinh tế cao tại VQG Bến En - Đề xuất giải pháp phát triển bền vững có hiệu quả nguồn tài nguyên thực vật có tinh dầu có giá trị kinh tế cao tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân vùng đệm VQG Bến En 	<p>Thực vật có tinh dầu tại VQG Bến En</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh lục bổ sung các loài thực vật chứa tinh dầu tại VQG Bến En - Báo cáo hàm lượng tinh dầu và thành phần hóa học của tinh dầu của một số loài có giá trị kinh tế cao. - Đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác, phát triển bền vững các loài tinh dầu có giá trị kinh tế cao. - Hội thảo khoa học thống nhất về giải pháp, mô hình bảo tồn, khai thác các loài cây tinh dầu có giá trị kinh tế cao ở VQG Bến En - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài - Tổng kết, nghiệm thu đề tài 	<p>Thực vật có tinh dầu tại VQG Bến En</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh lục bổ sung các loài thực vật chứa tinh dầu tại VQG Bến En - Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành 	<p>Tồn, khai thác, phát triển bền vững các loài thực vật chứa tinh dầu có giá trị kinh tế cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phương án sử dụng kết quả - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài - Đĩa DVD ghi hình quá trình triển khai đề tài 						
2.	Đề tài: Đánh giá trình độ	Viện Đánh giá	- Đánh giá hiện trạng trình độ công	- Nghiên cứu tổng quan vấn đề đánh giá trình độ công nghệ	- Báo cáo kết quả điều tra trình độ công nghệ của	+ Nghiên cứu tổng quan vấn đề đánh giá trình độ công	- Tiếp tục xây dựng phần mềm có giao diện	10/2016 - 4/2018	1.504,23	1.504,23	604,23	550

T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018
	công nghệ và đề xuất giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	khóa học và Định giá công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>nghe, và hiện trạng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất thuộc các nhóm ngành kinh tế chủ lực của Thanh Hóa;</p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh;</p> <p>- Đề xuất các giải pháp khai thác trình độ công nghệ hiện có, định hướng đầu tư đổi mới công nghệ để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, so sánh đối chiếu với một số địa phương khác trên toàn quốc</p>	<p>- Nghiên cứu thực trạng vấn đề đánh giá trình độ công nghệ trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam</p> <p>- Thu thập thông tin khảo sát, xử lý số liệu, phân tích thông tin dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ các nhóm ngành sản xuất tại địa phương dựa trên các thông tin, dữ liệu thu thập và khảo sát trực tiếp</p> <p>- Đề xuất các giải pháp khai thác công nghệ hiện có, đầu tư đổi mới công nghệ để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nhóm ngành điều tra</p>	<p>khoảng 250 doanh nghiệp thuộc 8 nhóm ngành là thế mạnh của tỉnh (Căn cứ theo phân nhóm ngành tại phụ lục 2 về tên ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của thông tư số 04/2014/TT-BKHCN ngày 08/4/2014).</p> <p>- Báo cáo đề xuất các giải pháp khai thác công nghệ hiện có, đầu tư đổi mới công nghệ để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nhóm ngành chủ lực của tỉnh.</p>	<p>nghe</p> <p>+ Nghiên cứu thực trạng vấn đề đánh giá trình độ công nghệ trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam</p> <p>+ Thu thập thông tin khảo sát, xử lý số liệu, phân tích thông tin dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ các nhóm ngành sản xuất tại địa phương</p>	<p>web quản lý cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ sản xuất (có chức năng nhập và kết xuất dữ liệu phục vụ lập báo cáo)</p> <p>- Đào tạo, tập huấn chuyên gia phương pháp luận và hướng dẫn khai thác, sử dụng phần mềm đánh giá trình độ công nghệ</p> <p>- Tổ chức Hội thảo Khoa học : Giải pháp khai thác công nghệ hiện có, đầu tư đổi mới công nghệ để khai thác tiềm năng, thế mạnh của các Doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh</p>					
3.	Đề tài: Nghiên cứu xây	Trường Đại học Hồng	Xây dựng thành công mô hình ứng	- Thu thập và nghiên cứu tổng quan các tài liệu liên quan về ứng	- 01 Mô hình hệ thống lọc sinh học sức khí luân phiên	- Báo cáo nghiên cứu tổng quan tài liệu về công nghệ	- Thiết kế và xây dựng mô hình ứng dụng hệ thống lọc	7/2017 - 01/2019	1.306,922	1.273,672	613,672	400

T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018
	dựng mô hình ứng dụng công nghệ lọc sinh học sục khí luân phiên để xử lý nước thải sau Biogas tại các trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Đức	<p>Mục tiêu:</p> <p>ứng dụng công nghệ lọc sinh học sục khí luân phiên để xử lý nước thải sau Biogas của các trang trại chăn nuôi lợn đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN62-MT:2016/BTNMT</p>	<p>Nội dung:</p> <p>ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý nước thải chăn nuôi lợn. Điều tra, khảo sát hiện trạng công nghệ xử lý và phân tích đánh giá mức độ ô nhiễm của nước thải sau biogas trên địa bàn tỉnh</p> <p>- Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng mô hình hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên xử lý nước thải trong phòng thí nghiệm.</p> <p>- Vận hành thử nghiệm, phân tích đánh giá hiệu quả và hiệu chỉnh các thông số của hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên trong phòng thí nghiệm.</p> <p>- Thiết kế và xây dựng mô hình ứng dụng hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên xử lý nước thải sau biogas tại trang trại chăn nuôi lợn với quy mô 300 con</p> <p>- Vận hành thử nghiệm và hiệu chỉnh các thông số của hệ thống thiết bị lọc sinh học sục khí luân phiên tại trang trại chăn nuôi lợn.</p> <p>- Xây dựng phương án triển khai nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Tổ chức Hội thảo khoa</p>	<p>xử lý nước thải sau biogas với công suất 30 lít/ngày đêm trong phòng thí nghiệm, phục vụ cho công tác giảng dạy sinh viên Trường Đại Học Hồng Đức.</p> <p>- 01 Mô hình xử lý nước thải sau Biogas của trang trại chăn nuôi lợn với quy mô trang trại 300 con đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT.</p> <p>- Phương án triển khai nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Quy trình công nghệ lọc sinh học sục khí luân phiên để xử lý nước thải sau biogas của trang trại chăn nuôi lợn.</p> <p>- Kỳ yếu Hội thảo;</p> <p>- 01 Bài báo công bố kết quả nghiên cứu khoa học về mô hình xử lý nước thải sau biogas bằng công nghệ sinh học sục khí luân phiên đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- Báo cáo tổng hợp</p>	<p>sinh học trong xử lý nước thải chăn nuôi lợn.</p> <p>- Báo cáo điều tra, khảo sát, phân tích đánh giá mức độ ô nhiễm của nước thải sau Biogas trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Hồ sơ, thiết kế hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên và mô hình hoàn thành hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên xử lý nước thải sau Biogas với công suất 30 lít/ngày đêm trong phòng thí nghiệm, phục vụ cho công tác giảng dạy sinh viên Trường Đại học Hồng Đức.</p> <p>- Lựa chọn được thông số tối ưu cho quá trình vận hành hệ thống với công suất 30 lít/ngày.đêm</p>	<p>sinh học sục khí luân phiên xử lý nước thải sau biogas tại trang trại chăn nuôi lợn với quy mô 300 con</p> <p>- Vận hành thử nghiệm và hiệu chỉnh các thông số của hệ thống thiết bị lọc sinh học sục khí luân phiên tại trang trại chăn nuôi lợn.</p> <p>- Xây dựng phương án triển khai nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Tổ chức Hội thảo khoa học về mô hình ứng dụng công nghệ lọc sinh học sục khí luân phiên để xử lý nước thải sau Biogas tại trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p>					

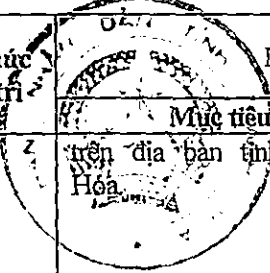
T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)					
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2018		
				hợp về mô hình ứng dụng công nghệ lọc sinh học xử lý khí luân phiên để xử lý nước thải sau Biogas tại trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh	kết quả thực hiện									
Cộng														1360

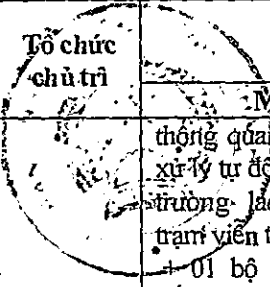
III. Nhiệm vụ mới: 11

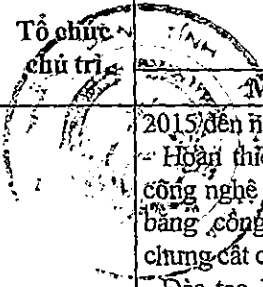
TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
1.	Đề tài: Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK mới có chứa chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thiên nông Thanh Hóa	- Xây dựng quy trình sản xuất phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc. - Sản xuất 15 tấn phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc (1 loại phân bón cho 1 loại cây trồng), tăng năng suất sắn, mía $\geq 10\%$; ngô, lúa, lạc $\geq 8\%$ so với các loại phân bón NPK đang dùng phổ biến hiện nay và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định. - Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) cho	-Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK mới có chứa chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) cho 5 loại cây trồng chủ lực (lúa, ngô, mía, sắn, lạc). -Xây dựng quy trình sản xuất và sản xuất thử nghiệm 15 tấn phân (5 loại phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc). -Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân NPK mới có chứa chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) cho các loại cây trồng chủ lực (lúa, ngô, mía, sắn, lạc) tại tỉnh Thanh Hóa -Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng phân bón NPK mới có chứa chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc. -Xây dựng phương án sử dụng	- Quy trình sản xuất phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc. - 15 tấn phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc (1 loại phân bón cho 1 loại cây trồng), tăng năng suất sắn, mía $\geq 10\%$; ngô, lúa, lạc $\geq 8\%$ so với các loại phân bón NPK đang dùng phổ biến hiện nay và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định. - Hướng dẫn kỹ thuật bón phân NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) cho từng loại cây trồng - Mô hình trồng lúa, ngô, mía, sắn, lạc sử dụng phân bón mới quy mô 1 ha/ loại cây trồng (Bảo	30 tháng	2053,08	1231,51 (Trong đó khoản chi từng phần 1111,78)	491,51	Không

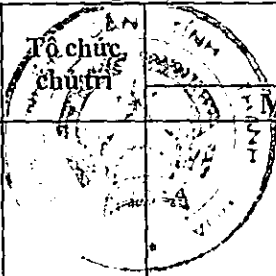
TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
			từng loại cây trồng - Xây dựng 5 mô hình trồng lúa, ngô, mía, sắn, lạc sử dụng phân bón mới quy mô 1 ha/ loại cây trồng.	kết quả đề tài	cáo đánh giá kết quả các mô hình) - Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài					
2.	Dự án: Ứng dụng Công nghệ mới để nâng cao công suất, chất lượng gạch ốp lát cao cấp tại Thanh Hóa.	Tổng công ty Đầu tư Phát triển đô thị - CTCP	- Xây dựng được hệ thống dây chuyền đồng bộ sản xuất gạch ốp lát cao cấp khổ lớn kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng với các chỉ tiêu: Công suất: 3,3 triệu m2/năm Chất lượng sản phẩm loại I đạt 95% trở lên Chất lượng đạt nhóm BIIIb theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 7745:2007 Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với công nghệ đang áp dụng - Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất gạch ốp lát cao cấp khổ lớn kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng. - Tổ chức sản xuất thành công 300.000 m2 sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật TCVN 7745:2007 trên cơ sở ứng dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng.	-Chuyên giao, tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ -Lắp đặt, tổ chức sản xuất thử theo công nghệ mới; hoàn thiện công nghệ sản xuất gạch ốp lát cao cấp kích thước 400x800mm -Hoàn thiện quy trình sản xuất gạch ốp lát cao cấp ứng dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng. -Tổ chức sản xuất gạch ốp lát cao cấp loạt sản phẩm đầu tiên vận hành liên tục trong 1 tháng để ổn định công nghệ, ổn định chất lượng sản phẩm -Xây dựng phương án sử dụng kết quả dự án	- Hệ thống dây chuyền đồng bộ sản xuất thành công gạch ốp lát cao cấp khổ lớn kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng với các chỉ tiêu: + Công suất: 3,3 triệu m2/năm + Chất lượng sản phẩm loại I đạt 95% trở lên + Chỉ tiêu chất lượng đạt nhóm BIIIb theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 7745:2007 + Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với công nghệ đang áp dụng (Có bộ tài liệu hướng dẫn vận hành dây chuyền công nghệ kèm theo) - 300.000 m2 sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật TCVN 7745:2007 trên cơ sở ứng dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng. - Quy trình công nghệ sản xuất gạch ốp lát cao cấp kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ nung 2 lần, tráng men siêu phẳng - Báo cáo phương án sử dụng kết quả dự án - Báo cáo tổng kết dự án	24 tháng	27121,53	4546,37 (Trong đó khoản chi từng phần 1151,10)	1816,37	Không
3.	Dự án: Ứng dụng công nghệ Fitoohocmon	Công ty CP Phân bón hữu cơ Miền	- Xây dựng được quy trình sản xuất 02 loại phân bón hữu cơ vi sinh mới chuyên dùng cho cây rau màu.	-Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh (bao gồm: 01 loại bón lót, 01 loại bón thúc) từ chất thải chăn nuôi bằng công nghệ	- Quy trình sản xuất 02 loại phân bón hữu cơ vi sinh mới chuyên dùng cho cây rau màu. - 10 tấn phân bón hữu cơ vi sinh	30 tháng	3305,15	1472,17 (Trong đó khoản chi từng phần	588,17	Không

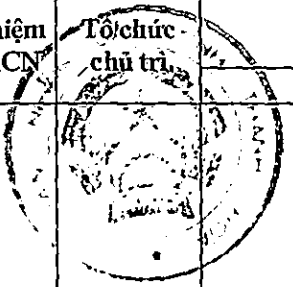
TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
	đề sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chất thải chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trung	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất được 10 tấn phân bón hữu cơ vi sinh mới (bao gồm: 5 tấn phân bón lót, 5 tấn bón thúc) đảm bảo các yêu cầu: có 70% nguyên liệu trở lên từ chất thải chăn nuôi, tăng năng suất cây trồng hoặc hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với phân hữu cơ thông thường và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định. Xây dựng được quy trình kỹ thuật bón phân hữu cơ vi sinh cho 03 loại cây rau màu (cải bắp, cà chua, khoai tây) tại Thanh Hóa. Xây dựng được 03 mô hình trình diễn sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh chuyên dùng cho rau màu. 	<p>Fitohocmon</p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình sản xuất và sản xuất 10 tấn phân hữu cơ vi sinh từ chất thải chăn nuôi bằng công nghệ Fitohocmon (2 loại phân hữu cơ vi sinh: 01 chuyên lót và 01 chuyên thúc) cho cây rau màu. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân hữu cơ vi sinh mới từ chất thải chăn nuôi bằng công nghệ Fitohocmon cho 03 loại cây ra màu (bắp cải, cà chua, khoai tây) tại tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh mới Xây dựng phương án sử dụng kết quả dự án 	<p>mới (bao gồm: 5 tấn phân bón lót, 5 tấn bón thúc) đảm bảo các yêu cầu: có 70% nguyên liệu trở lên từ chất thải chăn nuôi, tăng năng suất cây trồng hoặc hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với phân hữu cơ truyền thống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn kỹ thuật bón phân hữu cơ vi sinh cho 03 loại cây rau màu chính (cải bắp, cà chua, khoai tây) tại tỉnh Thanh Hóa. Mô hình trình diễn sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh mới chuyên dùng cho rau màu quy mô mỗi vụ: 2ha khoai tây, 1 ha cà chua, 1 ha cải bắp (Báo cáo đánh giá kết quả mô hình) Báo cáo tổng kết dự án 			602,30		
4.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá được thực trạng hoạt động giáo dục thể chất của học sinh trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng được mô hình tập luyện thể dục thể thao (chính khóa, ngoại khóa) trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Xây dựng được các giải pháp nhân rộng mô hình tập luyện thể dục thể thao (chính khóa, ngoại khóa) trong các trường tiểu học 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục thể chất của học sinh trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu các giải pháp phát triển thể chất cho học sinh các trường Tiểu học tỉnh Thanh Hóa Xây dựng các mô hình: Tập luyện TDTT chính khóa, ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học. Viết báo cáo kiến nghị các giải pháp tập luyện TDTT nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa. Biên tập, in ấn, xuất bản sách 	<ul style="list-style-type: none"> Các báo cáo chuyên môn: Thực trạng hoạt động giáo dục thể chất của học sinh trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Giải pháp phát triển thể chất cho học sinh các trường Tiểu học tỉnh Thanh Hóa. Mô hình tập luyện TDTT (chính khóa, ngoại khóa) phát triển thể chất của học sinh các trường Tiểu học tỉnh Thanh Hóa. (Kèm bộ tài liệu hướng dẫn và đĩa DVD ghi hình triển khai mô hình) Báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp 	24 tháng	1117,72	1117,72 (Trong đó khoản chi từng phần 1018,12)	517,72	Không

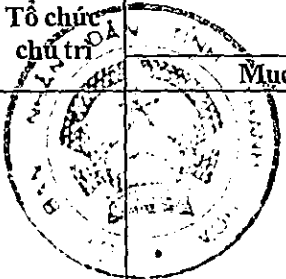
TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
			 <p>trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>	<p>tham khảo về giải pháp phát triển thể chất cho học sinh tiểu học. Số lượng: 500 quyển</p> <p>-Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài</p>	<p>- 01 bài báo công bố kết quả nghiên cứu</p> <p>- Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài</p> <p>-Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài.</p>					
5.	Dự án: Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây dược liệu Mã tiền (Strychnos nux-Vomica), Hà thủ ô (Fallapia multiflora Thunb), Thổ phục linh (Smilax glabra Roxb) tại huyện Quan Sơn, Thanh Hóa.	UBND huyện Quan Sơn	<p>- Đánh giá được tiềm năng phát triển cây dược liệu Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Xây dựng được các mô hình trồng thử nghiệm 3 loại dược liệu: Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh tại huyện Quan Sơn (quy mô: Hà Thủ ô 2ha; Mã Tiền 2 ha; Thổ phục Linh: 1 ha)</p> <p>- Đánh giá được khả năng sinh trưởng, phát triển và thích nghi của Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh tại huyện Quan Sơn</p>	<p>-Đánh giá tiềm năng phát triển các loại cây dược liệu (Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh) tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa</p> <p>- Khảo sát, lựa chọn địa điểm bố trí mô hình thử nghiệm</p> <p>- Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây dược liệu (Hà thủ ô; Mã tiền; Thổ phục linh) theo hướng GACP tại huyện Quan Sơn, Thanh Hóa</p> <p>- Xây dựng phương án chuyển giao kết quả dự án sau khi nghiệm thu</p>	<p>- Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng các loại cây dược liệu Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh.</p> <p>- Báo cáo: Tiềm năng phát triển 3 loài dược liệu mã tiền, hà thủ ô, thổ phục linh tại Thanh Hóa</p> <p>- Mô hình trồng thử nghiệm 3 loại dược liệu: mã tiền, hà thủ ô, thổ phục linh tại huyện Quan Sơn (Địa DVD ghi hình về mô hình)</p> <p>- Báo cáo đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và khả năng thích nghi của: Mã tiền, Hà thủ ô, Thổ phục linh tại Quan Sơn</p> <p>- Báo cáo phương án chuyển giao kết quả dự án</p> <p>- Báo cáo khoa học tổng kết dự án</p>	36 tháng	3519,57	1681,95 (Trong đó khoản chi từng phần 855,13)	671,95	Không
6.	Ứng dụng công nghệ IoT, Cloud Computing để xây dựng hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường lao động tại các trạm viễn thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần ThinkLABs	<p>- Đánh giá được thực trạng công tác quan trắc, cảnh báo và xử lý các cảnh báo chất lượng môi trường lao động tại các trạm viễn thông trong và ngoài tỉnh.</p> <p>- Lựa chọn được các công nghệ tiên tiến phù hợp để phát triển hệ thống quan trắc, cảnh báo và xử lý thông tin môi trường lao động tại các trạm viễn thông (BTS).</p> <p>- Xây dựng thành công hệ</p>	<p>- Đánh giá thực trạng quan trắc môi trường làm việc</p> <p>- Lựa chọn các công nghệ tiên tiến và thiết bị để xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo và xử lý tự động thông tin môi trường lao động.</p> <p>- Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động, liên tục và quản trị rủi ro môi trường lao động tại các trạm viễn thông.</p> <p>- Vận hành thử nghiệm hệ thống, đào tạo và chuyển giao công nghệ.</p>	<p>- Báo cáo đánh giá về thực trạng quan trắc môi trường lao động tại các trạm viễn thông; báo cáo lựa chọn công nghệ.</p> <p>- Báo cáo kết quả lựa chọn công nghệ, lựa chọn thiết bị.</p> <p>- Bản phân tích thiết kế hệ thống và tài liệu mô tả về giải pháp đề xuất.</p> <p>- Hệ thống quan trắc liên tục, tự động môi trường lao động tại các trạm viễn thông (phần cứng và phần mềm) kèm theo bộ tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng.</p>	18 tháng	2.093,4	1.822,0 (Trong đó khoản chi từng phần 401,905)	722	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
			<p>thông quan trắc, cảnh báo, xử lý tự động thông tin môi trường lao động tại các trạm viễn thông, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 01 bộ phần mềm quan trắc, cảnh báo và xử lý tự động thông tin môi trường lao động. + 10 bộ thiết bị quan trắc được cài đặt tại 10 trạm viễn thông của VNPT Thanh Hóa. - Vận hành, thử nghiệm thành công hệ thống quan trắc theo công nghệ đã lựa chọn tại 10 trạm viễn thông của VNPT Thanh Hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài. - Tổng kết đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thử nghiệm hệ thống được áp dụng cho 10 trạm viễn thông do VNPT Thanh Hóa quản lý. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài. - Báo cáo tổng kết đề tài. - Bài báo khoa học đăng tạp chí chuyên ngành 					
7.	Ứng dụng công nghệ thiết bị chung cất chân không để sản xuất rượu gạo truyền thống Xứ Thanh	Công ty CP Dạ Lan	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng thành công công nghệ - thiết bị chung cất chân không để sản xuất các sản phẩm rượu gạo truyền thống chất lượng cao tại Thanh Hóa.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống dây chuyền công nghệ sản xuất rượu gạo truyền thống bằng công nghệ thiết bị chung cất chân không với các chỉ tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Công suất: ≥ 750 lít/ngày. + Chất lượng sản phẩm: đạt tiêu chuẩn TCVN 7043:2013 rượu trắng + Hiệu quả kinh tế: tăng 15% so với thiết bị - công nghệ chung cất nhiệt mà công ty đang vận hành sản xuất từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát để xây dựng hệ thống dây chuyền công nghệ chung cất rượu. - Chuyển giao tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ sản xuất bằng công nghệ - thiết bị chung cất chân không. - Lắp đặt, tổ chức sản xuất thử nghiệm theo công nghệ mới; hoàn thiện quy trình sản xuất rượu gạo bằng công nghệ chung cất chân không tại Công ty. - Quảng bá sản phẩm, thăm dò ý kiến khách hàng. - Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm rượu gạo truyền thống xứ Thanh của Dự án. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả dự án 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống dây chuyền đồng bộ sản xuất thành công rượu gạo truyền thống Xứ Thanh sử dụng công nghệ - thiết bị chung cất chân không với các chỉ tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Công suất: ≥ 750 lít/ngày. + Chất lượng sản phẩm: đạt tiêu chuẩn TCVN 7043:2013 + Hiệu quả kinh tế: tăng 15% so với áp dụng thiết bị - công nghệ hiện tại nhà máy đang vận hành (Có tài liệu hướng dẫn vận hành dây chuyền kèm theo) - 50.000 lít rượu sản xuất bằng công nghệ - thiết bị chung cất chân không đáp ứng các yêu cầu của TCVN 7043:2013 rượu trắng. - Quy trình công nghệ sản xuất rượu gạo truyền thống xứ Thanh bằng công nghệ thiết bị - chung cất chân 	24 tháng	12.398,038	2.257,298 (Trong đó khoản chi: 0)	857,298	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
			<ul style="list-style-type: none"> 2015/đến nay. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất rượu gạo bằng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không. Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật thành thạo về công nghệ và 50 công nhân kỹ thuật thành thạo quy trình sản xuất. Tổ chức sản xuất thành công 50.000 lít rượu gạo truyền thống xứ Thanh có hương vị đặc trưng và giá trị cảm quan, đạt TCVN 7043:2013 rượu trắng trên cơ sở ứng dụng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không 		<ul style="list-style-type: none"> không phù hợp với sản xuất của Công ty CP Dạ Lan. Báo cáo phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng rượu gạo truyền thống tại Thanh Hóa. Báo cáo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước về rượu gạo truyền thống Xứ Thanh. Giấy chứng nhận kết quả đào tạo thành thạo về công nghệ và qui trình sản xuất cho 10 cán bộ công nghệ và 50 công nhân kỹ thuật của đơn vị chuyên giao công nghệ. Báo cáo phương án sử dụng kết quả dự án. Báo cáo tổng kết dự án. 					
8.	Khôi phục, phát triển nghề trồng và chế biến dong riềng truyền thống theo chuỗi giá trị tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng thành công mô hình trồng dong riềng năng suất, chất lượng cao theo hướng VIETGAP quy mô 20 ha trên địa bàn 2 xã thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng được quy trình sản xuất, chế biến dong riềng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu thực trạng trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ dong riềng tại 6 huyện trung du miền núi tỉnh Thanh Hóa (Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Bá Thước, Thạch Thành, Thường Xuân). Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống dong riềng có năng suất, chất lượng cao tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình trình diễn trồng dong riềng theo hướng VIETGAP. Tổ chức tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất dong riềng tại tỉnh Yên Bái. Xây dựng mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm do Hội liên hiệp Phụ nữ thành lập 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá thực trạng trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ dong riềng ở một số huyện trung du miền núi tỉnh Thanh Hóa. Báo cáo kết quả trồng thử nghiệm một số giống dong riềng năng suất, chất lượng cao. 1200 tấn củ dong riềng tươi, 240 kg bột dong riềng khô thành phẩm, 1800 kg miến dong riềng khô thành phẩm. Quy trình kỹ thuật chế biến dong riềng. Mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm do Hội Liên hiệp Phụ nữ thành lập. 02 mô hình trồng dong riềng (10 ha được trồng tập trung và 10 ha 	30 tháng	5.626,678	1.907,479 (Trong đó khoản chi: 0)	707,479	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
				<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật trồng, chế biến dong riêng. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm Bột dong và Miến dong Cẩm Thùỵ. - Xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dong riêng; chế biến bột dong và miến dong. - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình trồng và chế biến dong riêng truyền thống theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa 	<ul style="list-style-type: none"> được trồng phân tán tại các gia đình đảm bảo năng suất, chất lượng theo hướng VIETGAP). - Tiêu chuẩn cơ sở cho Bột dong và Miến dong Cẩm Thùỵ. - Báo cáo giải pháp nhân rộng các mô hình. - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Kỳ yếu các hội thảo - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. 					
9.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá. - Đề xuất được các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống những biểu hiện cụ thể nhận diện những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá trong Nông dân; Công nhân; Doanh nhân; Công chức, Sinh viên, học sinh; Trí thức, Văn nghệ sỹ. - Điều tra khảo sát về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá - Nghiên cứu khảo sát thực tế tại 3 địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An, tỉnh Đồng Nai -Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá -Dự thảo: Văn bản hướng dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp số liệu thu thập. - Báo cáo chuyên môn: + Hệ thống những biểu hiện cụ thể nhận diện những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh trong Nông dân. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh trong Công nhân. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh trong Doanh nhân. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh trong Công chức. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự 	24 tháng	902,735	902,735 (Trong đó khoản chi từng phần 902,735)	360,735	

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Lô/chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi
				nhận diện và giải pháp hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá. -Xây dựng Báo cáo kiến nghị Viết báo cáo khoa học tổng hợp đề tài	phát triển bền vững của tỉnh trong Sinh viên, học sinh. + Các vấn đề về những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh trong Trí thức, Văn nghệ sỹ. + Kinh nghiệm trong công tác ngăn chặn, hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của Tp Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An, tỉnh Đồng Nai. + Các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá. + Dự thảo: Văn bản hướng dẫn nhận diện và giải pháp hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá. + Báo cáo kiến nghị với các cơ quan, tổ chức thực hiện giải pháp + Báo cáo khoa học tổng kết đề tài					
10.	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng phương pháp can thiệp tim mạch qua da trong điều trị bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	- Ứng dụng thành công phương pháp can thiệp tim mạch qua da trong điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải. - Đánh giá kết quả can thiệp tim mạch qua da trong điều trị tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải cho 50 bệnh nhân.	- Ứng dụng phương pháp can thiệp qua da điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa. - Nghiên cứu xác định một số yếu tố liên quan đến chỉ định của phương pháp điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải bằng kỹ thuật can thiệp qua da tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa. - Hội thảo khoa học: - Xây dựng kế hoạch sử dụng	- Báo cáo tổng kết đề tài - Các báo cáo chuyên môn: + “Một số yếu tố liên quan tới chỉ định phương pháp can thiệp qua da điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải tại bệnh viện Nhi Thanh Hóa” + “Kết quả ứng dụng phương pháp can thiệp qua da điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng thông trái - phải tại Bệnh viện Nhi” - Quy trình phương pháp can thiệp tim mạch qua da trong điều trị các bệnh tim bẩm sinh trẻ em có luồng	24 tháng	780,35	580,63 (Trong đó khoản chi từng phần 580,63)	230,63	

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)					
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2018	Thu hồi		
	tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa năm 2018-2019.			kết quả nghiên cứu - Báo tổng kết, nghiệm thu đề tài	thông trái - phải tại Bệnh viện. - Ký yêu hội thảo. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành - Đĩa DVD							
11.	Đề tài: Phát huy giá trị của các ca khúc viết về Thanh Hóa phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương đất nước.	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Xây dựng hệ thống danh mục các ca khúc viết về Thanh Hóa - Đánh giá được các giá trị nội dung, nghệ thuật của ca khúc viết về Thanh Hóa - Đề xuất được các giải pháp phát huy giá trị của các ca khúc viết về Thanh Hóa.	- Khảo sát, thu thập thông tin các ca khúc viết về Thanh Hóa từ 1965 đến nay; đánh giá thực trạng sáng tác ca khúc về Thanh Hóa; khảo sát nhu cầu sử dụng ca khúc viết về Thanh Hóa; - Lựa chọn 150 ca khúc viết về Thanh Hóa để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật. - In tuyển tập 150 ca khúc và thu âm 02 đĩa CD. - Đề xuất giải pháp phát huy giá trị các ca khúc viết về Thanh Hóa: - Xây dựng báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài. - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	- Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn. - 200 cuốn tuyển tập 150 ca khúc viết về Thanh Hóa. - 200 đĩa CD thu âm 30 ca khúc có giá trị về nội dung, nghệ thuật phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Thanh Hóa. - Kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. - 01 bài báo công bố kết quả đề tài.	18 tháng	816,77	816,77 (Trong đó khoản chi từng phần 816,77)	316,77			
Cộng											7.280,65	0

Tổng kinh phí SNKH cấp đợt này cho 20 nhiệm vụ KH&CN là 9.792,612 triệu đồng (Chín tỷ, bảy trăm chín hai triệu, sáu trăm mười hai ngàn đồng)./.